

DÒNG TIỀN PHÂN HÓA

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MUA

Dòng tiền phân hóa khiến cơ hội giải ngân mới co hẹp và NĐT không có quá nhiều sự lựa chọn trong giai đoạn này, chiến lược giải ngân thăm dò tỷ trọng nhỏ trước khi cổ phiếu xuất hiện các tín hiệu rõ ràng hơn.

BÁN

NĐT tiếp tục chốt lời đối với những cổ phiếu cho dấu hiệu điều chỉnh tại mốc kháng cự và có dấu hiệu suy yếu về thanh khoản.

MUA

VHC

↑ 11,84%

VND 71.800

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Chỉ số S&P 500 tiến lên mức đỉnh mới vào ngày thứ Năm (22/02), sau khi Nvidia công bố kết quả kinh doanh hàng quý tốt hơn nhiều so với dự báo.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Sự xoay vòng các trụ không còn rõ nét, sức mạnh ở nhóm cổ phiếu thay thế mờ nhạt trong khi ngân hàng vẫn suy yếu khiến đà tăng của VN-Index chững lại. Hiện tượng rung lắc liên tục xuất hiện trong 3 phiên trở lại đây phản ánh tâm lý dò đỉnh của thị trường. Chỉ số VN-Index đã có nhịp tăng kéo dài 3 tháng với rất nhiều cổ phiếu đạt biên độ lợi nhuận khả quan. Không có xu thế tăng nào kéo dài mãi mà không điều chỉnh, nhất là khi thị trường tiến gần đến ngưỡng kháng cự quan trọng.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	39.069,11	1,18	3,66
S&P 500	5.087,03	2,11	6,65
Nasdaq	16.041,62	2,96	6,86
VIX	14,54	-5,22	16,79
DAX	17.370,45	1,47	3,69
FTSE 100	7.684,49	0,29	-0,63
CAC40	7.911,60	1,27	4,88
Hang Seng	16.742,95	1,45	-1,79

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	77,38	BUY	
MACD(12,26)	19,90	BUY	
ADX(14)	36,30	BUY	
SMA5	1.224,42	BUY	
SMA20	1.191,19	BUY	
SMA50	1.155,84	BUY	
SMA100	1.131,39	BUY	
SMA200	1.144,31	BUY	

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 1/2024 đạt khoảng 260 nghìn tấn, trị giá 365 triệu USD, tăng 92,6% về lượng và tăng 99,8% về trị giá so với tháng 1/2023. Giá xuất khẩu cao su bình quân trong tháng 1/2024 ở mức 1.404 USD/tấn, tăng 0,9% so với tháng 12/2023 và tăng 3,7% so với tháng 1/2023. Với kết quả này, ngành cao su Việt Nam đặt mục tiêu xuất khẩu từ 3,3 -3,5 tỷ USD trong năm 2024.
- Theo ông Dương Nghĩa Quốc - Chủ tịch Hiệp hội Cá tra Việt Nam - thông tin, giá cá tra từ 28.000 - 29.500 đồng/kg, tình hình thị trường đang có xu hướng lên rất tốt. Nguồn cung giảm do trong năm 2023 giá thấp khiến người nuôi cá tra không phát triển vùng nuôi nhiều, trong khi đó, hiện các thị trường nhập khẩu như Trung Quốc, Hoa Kỳ,...đang có nhu cầu cao giúp giá cá tra chuyển động.
- Trên thị trường "chợ đen", giá USD hiện nay phổ biến ở mức 25.150 đồng chiều mua vào và 25.220 đồng chiều bán ra, tăng khoảng 120 đồng chiều mua và 100 đồng chiều bán so với hôm qua. Trước đó, trong ngày 21/2, giá USD thị trường tự do cũng đã tăng khoảng 50-60 đồng.
- Loạt gói thầu quan trọng thuộc dự án sân bay Long Thành sắp được đấu thầu. Dự kiến trong quý 1 và 2/2024, hàng loạt gói thầu quan trọng tại dự án thành phần 3 Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành sẽ được đấu thầu...
- VRE: Vincom Retail cho biết ưu tiên trong năm 2024 là tối ưu hóa hoạt động của 83 trung tâm thương mại đang hoạt động, bao gồm tăng tỷ lệ lấp đầy trung và giá thuê trung bình. Bên cạnh đó, doanh nghiệp có kế hoạch đưa vào vận hành hai TTTM Vincom Mega Mall (VMM) ở TP HCM và 4 TTTM Vincom Plaza (VCP) ở miền Trung và miền Bắc.
- POW: TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 1/2024 với doanh thu từ bán điện là 1.971 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, đóng góp nhiều nhất là doanh thu từ dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1 với hơn 999 tỷ đồng, kế tiếp là Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 với 835 tỷ.
- BCG: Năm 2024, Bamboo Capital dự kiến tổng công suất phát điện không tăng trưởng nhiều, tăng thêm khoảng 50 MW lên thành 750 MW và chỉ tập trung vào mảng áp mái được phát triển ở khu vực phía Bắc. Sang năm sau, khi thực hiện xong đầu tư giai đoạn 1 Nhà máy điện rác Củ Chi tại TP HCM, tập đoàn sẽ đưa tổng công suất nguồn phát lên hơn 1 GW.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.026,29	0,09	-1,78
Dầu WTI	78,25	-0,46	9,21
Dầu Brent	83,35	-0,38	8,19
Than	119,40	0,00	-18,44
Đồng	8.584,50	0,50	0,30
Quặng sắt	121,73	0,26	-11,74
Thép	562,50	0,00	-0,38

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	103,905	-0,05	2,54
USD/JPY	150,44	0,06	-6,25
USD/CNY	7,1939	-0,04	-1,31
EUR/USD	1,0826	0,03	-1,93
GBP/USD	1,2662	0,02	-0,54

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	20/03/2024	0
ECB	4,50%	07/03/2024	0
BOE	5,25%	21/03/2024	0
BOJ	-0,10%	19/03/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
SSI	500,01	34.650	-0,86
HPG	642,81	28.550	-0,87
VND	386,12	22.500	-0,44
STB	483,76	31.050	-1,43
MBB	357,96	23.950	-0,21

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	500.223,67	89.500	-1,86
BID	283.596,69	49.750	0,00
VHM	195.075,66	44.800	-0,44
CTG	191.708,71	35.700	0,42
VIC	182.006,29	47.600	0,74

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research



Khuyến nghị

MUA

Giá hiện tại

64.200

Giá mục tiêu

71.800

Tiềm năng tăng giá

11,84%

Vùng giải ngân

63.500-65.000

Ngưỡng cắt lỗ

<60.900 (6%)

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Năm 2024, toàn ngành cá tra đặt mục tiêu xuất khẩu đạt 2 tỷ USD, phần đầu đạt diện tích thả nuôi cá tra 5.700ha, sản lượng cá tra thương phẩm khoảng 1,7 triệu tấn. Để đạt được mục tiêu này, 224 doanh nghiệp trong ngành hàng đã sớm khởi động hoạt động trở lại sau thời gian dài nghỉ Tết Nguyên đán.
- Thủy sản Vĩnh Hoàn hiện là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Giá cá tra hiện đã lên mức khoảng 30.000 đồng/kg và được dự báo sẽ tiếp tục tăng do nguồn cung thấp và các thị trường xuất khẩu tiếp tục hồi phục.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- VHC đang trong nhịp điều chỉnh tích lũy sau khi kiểm nghiệm không thành công vùng kháng cự mạnh quanh 65.000 đồng. Đối với NGĐT đã mua theo khuyến nghị trước đó có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, chờ đợi thêm tín hiệu xác nhận rõ xu hướng để có những hành động phù hợp.

Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
DTT (tỷ đ)	9.054	13.231	2.396
LNTT (tỷ đ)	1.280	2.323	99
LNST (tỷ đ)	1.107	2.013	66
Nợ/VCSH (%)	32	31	26
ROE (%)	20,07	28,21	11,31
ROA (%)	13,79	19,44	7,67
EPS (VNĐ)	5.033	8.555	4066,17
P/E (lần)	10,4	6,8	15,79
P/B (lần)	1,98	1,70	1,73

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	59,27	BUY	
MACD(12,26)	0,78	BUY	
ADX(14)	28,77	BUY	
SMA5	64.340	SELL	
SMA20	62.880	BUY	
SMA50	61.750	BUY	
SMA100	60.350	BUY	
SMA200	58.430	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	DXG	Nắm giữ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18			-2,63%
2	VCG	Nắm giữ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9			-1,59%
3	VGC	Nắm giữ	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8			5,52%
4	DGW	Mua	55,8-57	16/2/2024	56,5	63,2	53,9			-0,88%
5	VHC	Mua	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,8	60,9			-0,77%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
5	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
6	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
7	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
8	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
9	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
10	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
11	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
12	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
13	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
14	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
15	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
16	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
17	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
18	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
19	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
20	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%
21	VCI	Chốt lời	37,8-39	13/11/2023	39	43,8	36,7	22/11/2023	43,6	11,79%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCI	Chốt lời	37,8-39	13/11/2023	39	43,8	36,7	22/11/2023	43,6	11,79%
2	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
3	VPB	Cắt lỗ	19-19,5	8/12/2023	19,5	22	18,5	18/12/2023	18,5	-5,13%
4	STB	Cắt lỗ	27,3-28,4	7/12/2023	27,5	31,1	26,3	18/12/2023	26,3	-4,36%
5	VCG	Chốt lời	22,6-23	20/11/2023	22,4	26,1	21,2	25/12/2023	24,5	9,38%
6	VND	Chốt lời	20,3-20,8	20/11/2023	20	24,2	19,6	25/12/2023	21,7	8,50%
7	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
8	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
9	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2024	56,7	13,40%
10	HSG	Chốt lời	21-21,8	10/1/2024	21,5	23,9	20,2	29/1/2024	23,45	9,07%
11	CTS	Chốt lời	28-28,85	9/1/2024	28,7	32,1	27	5/2/2024	31,3	9,06%
12	DCM	Chốt lời	31-32,5	22/11/2023	31,5	36,7	30	16/2/2024	34	7,94%
13	HAH	Chốt lời	38-39,5	10/1/2024	38,9	43,3	36,5	19/2/2024	41,45	7,46%
14	PVD	Chốt lời	26,5-27,2	22/1/2024	27,2	30,6	25,4	20/2/2024	28,95	6,62%
15	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại KH TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Thị trường ngày 10/10/2024

Chỉ số	Giá	Thay đổi	Tỷ lệ
HNX-CP	136.16.5		
Chỉ số	136.16.5	+0.17%	
Chỉ số 1 (90%)	136.19	-0.17%	-0.18%
Chỉ số 2 (90%)	136.22	-0.17%	-0.18%
HNX-CP	136.16.5		
Chỉ số	136.16.5	+0.17%	
Chỉ số 1 (90%)	136.19	-0.17%	-0.18%
Chỉ số 2 (90%)	136.22	-0.17%	-0.18%
HNX-CP	136.16.5		
Chỉ số	136.16.5	+0.17%	
Chỉ số 1 (90%)	136.19	-0.17%	-0.18%
Chỉ số 2 (90%)	136.22	-0.17%	-0.18%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô hình khoản MWG
Tổng thời lượng OK 180,000
Giá vốn trung bình 43.34
Giá đầu tư 99,800 đ
Giá trị thanh toán 8,280,000,000 đ
Lãi (về kỳ hạn) +478,500,200 đ (16.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MOM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSS: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.1 theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room